

ĐỌC LẠI BÀI MINH MANG NIÊN ĐẠI CÀN THỐNG 19 (1611) HIỆN CÒN TRÊN CHUÔNG LỚN CHÙA VIÊN MINH Ở CAO BẰNG

Chu Xuân Giao*

Lời mở: Ngôi cổ tự Viên Minh được trùng tu thời Càn Thống tại kinh đô Cao Bình

Ở một nghiên cứu mới công bố gần đây [Chu Xuân Giao 2015b], bằng vào kết quả khảo cứu tư liệu tại chỗ, có đối chiếu với các nguồn thư tịch khác nhau, chúng tôi đã đi sâu luận giải về dòng niên đại đi kèm bài minh bằng Hán văn hiện còn thấy trên chuông chùa Viên Minh ở Cao Bằng. Dòng niên đại ấy đã bị mờ mòn nhiều, rất khó đọc, từng bị bỏ quên, hoặc ghi không thống nhất trong các thư tịch cũ cũng như các công trình nghiên cứu trước đây. Nghiên cứu của chúng tôi chỉ ra rằng, việc đúc chuông chùa Viên Minh và khắc bài minh lên đó là vào dịp tiết Hoa Triều năm Tân Hợi, niên hiệu Càn Thống thứ 19, thời vua Mạc Kính Cung, tính sang dương lịch là năm 1611. Lần đầu tiên, dòng niên đại được khôi phục đầy đủ là: *Long tập Càn Thống vạn vạn niên chi thập cửu, tuế tại Tân Hợi, Hoa Triều tiết cốc nhật* 龍集乾統萬萬年之十九歲在辛亥花朝節穀日.

Tiếp nối kết quả nghiên cứu trên, ở bài viết này, chúng tôi đi sâu luận giải nội dung toàn văn của bài minh trên cơ sở đối chiếu hai nguồn tư liệu chính, là: 1) Nguyên bản khắc năm 1611 hiện còn thấy trên chuông (xem *Ảnh 1* và *2*). Bản chép được xem là của Nguyễn Hựu Cung (Bế Hựu Cung) ở thập niên 1800-1810 trong cuốn *Cao Bằng thực lục* [Nguyễn Hựu Cung 1810: 93-95]. Bản chép của Nguyễn Hựu Cung có vài chỗ xuất nhập với những phần nguyên bản còn đọc được. Ngược lại, có nhiều chỗ trong nguyên bản đã rất mờ hoặc mờ hoàn toàn (không còn nét nào, nên không thể đọc được) thì lại thấy có trong bản chép của Nguyễn Hựu Cung. Thêm nữa, bản chép của Nguyễn Hựu Cung, như đã chỉ ra ở bài viết trước [Chu Xuân Giao 2015b: 21, 24-25], thì không đầy đủ, vẫn còn bỏ sót hẳn một số câu trong bài minh, và ngay dòng niên đại cũng không đúng hoàn toàn. Công việc đối chiếu một cách tỉ mỉ giữa hai nguồn tư liệu, đến hiện tại, chưa từng được thực hiện. Bởi vậy, đầu tiên, bài viết này sẽ thực hiện công việc đó, ngõ hầu đưa ra một bản tổng hợp, đạt đến mức có thể tạm xem là tương đối hoàn chỉnh.

Mở rộng bối cảnh văn bản, chúng tôi cũng sẽ đối chiếu một số câu trong bài minh trên chuông chùa Viên Minh với một số câu có điểm trùng nhau trong minh văn triều Mạc thời kỳ Thăng Long - Dương Kinh (1527-1592). Đồng thời, trong một chừng mực, có đối chiếu với bản phiên âm (không kèm chữ Hán) từ kết quả khảo sát thực địa

* Viện Nghiên cứu Văn hóa, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam.

năm 1993 và đã công bố năm 1994 của nhóm Cung Văn Lược [Cung Văn Lược-Chu Quang Trứ 1994], và của Đinh Khắc Thuân năm 2011 [Đinh Khắc Thuân 2011].

Từ đối chiếu như trên, chúng tôi đưa ra nhận định cơ bản về hình thức và nội dung của bài minh. Tiếp theo, từ bản thân nội dung bài minh, kết hợp với những kết quả nghiên cứu mới nhất có liên quan của học giới, chúng tôi sẽ chỉ ra rằng, Viên Minh chính thực là một ngôi chùa cổ, nhưng từ lúc nào đó đã rơi vào hoang phế, mãi đến thời Càn Thống, khi vua Mạc Kính Cung xây dựng kinh đô Cao Bình, mới được trùng tu. Chùa Viên Minh (ở thành phố Cao Bằng) và chùa Sùng Phúc (ở huyện Hạ Lang tỉnh Cao Bằng ngày nay) đều là những ngôi chùa vốn đã có từ thời Lý. Có nghĩa là, Viên Minh không phải là chùa dựng mới (*sáng kiến*) vào thời Càn Thống như ghi chép của Nguyễn Hựu Cung và các nghiên cứu trước đây.

Cuối cùng, từ nội dung bài minh cùng với sự hiện diện đích thực của chính quả chuông lớn mang bài minh, chúng tôi một lần nữa cung cấp các căn cứ cho mừng tượng đã nêu ở bài viết trước [Chu Xuân Giao 2015b: 28 - 29] về những năm tháng đầu tiên của vương triều Mạc thời kỳ Cao Bằng (1593-1683). Lần đầu tiên, từ những tư liệu mang tính gốc gác, ở bài viết này, chúng tôi đề xuất 3 khái niệm: “vương quốc lý tưởng Nam Việt” (vương quốc Nam Việt), “vương quốc hiện thực Cao Bằng” (vương quốc Cao Bằng), và “kinh đô Cao Bình”.

1. Hình thức và nguyên trạng của bài minh qua đối chiếu tư liệu

Từ đây trở xuống, tạm gọi nguyên bản hiện còn thấy trên chuông là *tư liệu 1*, và bản chép trong *Cao Bằng thực lục* là *tư liệu 2*. Chúng tôi đã thực hiện công việc đối chiếu từng chữ, từng dòng giữa hai nguồn tư liệu hiện có này. Kết quả đối chiếu được thể hiện trong bảng tổng hợp, tức *Bảng 1* trong bài viết. Với mỗi con chữ đem ra đối chiếu trong bảng, thì chữ ở bên trên là *tư liệu 1*, còn ở bên dưới là *tư liệu 2*.

Về ký hiệu trong bảng tổng hợp thì, những chữ mờ hoàn toàn, mà chúng tôi không thể đọc thì sử dụng hình vuông nhỏ tô đen (■). Với những chữ suy đoán từ một phần văn tự còn thấy thì sử dụng tam giác tô đen (▲), đồng thời, chữ suy đoán đó được đặt trong dấu móc đơn.

Bảng 1 cho chúng ta 3 thông tin chính yếu như trình bày dưới đây về mặt hình thức của bài minh.

1.1. Bài minh theo hai nghĩa, và kết cấu văn bản, số câu/dòng của nó

Như thấy trong *Bảng 1*, nguyên bài minh theo nghĩa hẹp thì có 23 câu (đánh số từ 1 đến 23), nhưng nếu tính những dòng tiếp theo câu 23 thì có thêm 6 dòng (đánh số từ 24 đến 29). Bởi vậy, theo nghĩa mở rộng thì chữ “bài minh” sử dụng ở bài viết này sẽ gồm gồm 29 câu/dòng cộng với 1 dòng tiêu đề ở trên cùng.

Để tiện cho khảo sát tiếp theo, chúng tôi tạm chia bài minh theo nghĩa rộng thành 4 phần (M1- M4) như sau.

- 1) Phần M1 là *tiêu đề*, chỉ có 1 dòng không đánh số.
- 2) Phần M2 là nguyên *bài minh* với 23 câu đánh số từ 1 đến 23.

Bảng 1: Bảng tổng hợp kết quả đối chiếu hai nguồn tư liệu chính

Phần		Ô chữ trên nguyên bản	Đối chiếu nguyên bản (dòng trên) và bản chép trong <i>Cao Bằng thực lục</i> (dòng dưới)								Văn
Phần M1-bên đề		B1 (ô thứ 1)	圓明寺鐘銘 贊曰 圓明寺洪鐘銘 贊曰								
			Câu (dòng)								Văn chân
			Chữ 1	Chữ 2	Chữ 3	Chữ 4	Chữ 1 (5)	Chữ 2 (6)	Chữ 3 (7)	Chữ 4 (8)	
1	天		閑	南	城	地	關	高	平		(h)inh
2	中		居	王	府	▲(北)	控	帝	城		(th)inh
3	石		州	勢	壯	沱	都	地	奠		(j)inh
4	青		山	拱	抱	碧	水	繞	雲		(o)inh
5	古		名	藍	鐘	寺	號	圓	明		(m)inh
6	造		鋼	鐘	鐸	日	攝	相	行		(h)inh
7	上		懸	於	閑	右	置	于	懸		(v)inh
8	峰		壑	以	澤	金	玉	璞	陶		(h)inh
9	蒲		彫	月	響	村	動	風	聲		(th)inh
10	神		和	對	峙	佛	殿	嵒	嵒		(v)inh
11	時		更	西	來	音	寂	攝	地		(m)inh
12	世		情	忘	惑	私	欲	橫	生		(v)inh
13	因		由	寂	惑	須	持	經	營		(do)inh
14	佐		莫	聖	主	有	餘	賢	嗣		(kh)inh
15	金		鋼	純	發	功	德	顯	宏		(ho)inh
16	鳩		工	轟	像	補	範	打 (金+寧)	形		(h)inh
17	伊		時	譯	始	不	日	告	成		(th)inh
18	完		圓	如	器	遠	近	知	名		(d)inh
19	隊	功	既	銷	歸	報	必	榮		(v)inh	
20	明	且	■	■	喜	起	歌	康		(kh)inh	
21	萬	▲(代)	■	■	■	■	壽	寧		(o)inh	
22	子	孫	■	■	■	■	光	亨		(h)inh	
23	香	併	■	■	■	■	斯	銘		(m)inh	
		龍集乾統萬年之十九歲在辛亥花朝節穀旦 龍飛乾統之十九年穀旦									
Phần M2-bài minh		B2 (ô thứ 2)	龍集乾統萬年之十九歲在辛亥花朝節穀旦 龍飛乾統之十九年穀旦								
Phần M3-niên đại			龍集乾統萬年之十九歲在辛亥花朝節穀旦 龍飛乾統之十九年穀旦								
			龍集乾統萬年之十九歲在辛亥花朝節穀旦 龍飛乾統之十九年穀旦								
			龍集乾統萬年之十九歲在辛亥花朝節穀旦 龍飛乾統之十九年穀旦								
			龍集乾統萬年之十九歲在辛亥花朝節穀旦 龍飛乾統之十九年穀旦								
Phần M4-phương danh B2 (ô thứ 2)			龍集乾統萬年之十九歲在辛亥花朝節穀旦 龍飛乾統之十九年穀旦								

3) Phần M3 là *niên đại*, chỉ có 1 dòng được đánh số 24.

4) Phần M4 là *phương danh*, gồm 5 dòng ở sau niên đại được đánh số từ 25 đến 29, ghi tên những người đã góp công của vào việc trùng tu chùa và đúc chuông lớn.

Riêng phần M2, tức nguyên bài minh theo nghĩa hẹp, có 23 câu, nhưng Nguyễn Hựu Cung chỉ chép được đến hết câu thứ 18, mà bỏ sót 5 câu sau đó (đánh số từ 19 đến 23). Bởi vậy, việc đối chiếu giữa hai nguồn tư liệu chính ở đây về thực chất chỉ thực hiện được tới hết câu thứ 18. Các câu từ 19 đến 23 thì chúng tôi khôi phục theo nguyên trạng còn thấy trên chuông hiện nay.



Ảnh 1: Chuông chùa Viên Minh⁽¹⁾.



Ảnh 2: Bài minh trên chuông chùa Viên Minh (ô thứ nhất, câu 1-18, ký hiệu B1).



Ảnh 3: Bài minh trên chuông chùa Viên Minh (ô thứ 2, câu 19-29, ký hiệu B2).

So sánh thêm, thì thấy bản chép chữ tại chỗ năm 1993 của nhóm Cung Văn Lược có chép phiên âm đến câu 19 (được hai ông ghi là “âm công ký hiển, dương báo tất vinh”), tức chép dài hơn Nguyễn Hựu Cung 1 câu, nhưng cũng bỏ sót các câu còn lại (câu 20 - 23). Hai ông cũng bỏ qua luôn dòng ghi niên đại ở sau câu 23 như chúng tôi đã trình bày [Cung Văn Lược-Chu Quang Trứ 1994; Chu Xuân Giao 2015b: 22]. Sau này, Đinh Khắc Thuân vừa dựa vào ghi chép trong *Cao Bằng thực lục* vừa sử dụng bản phiên âm của nhóm Cung Văn Lược, nên cũng chỉ dừng ở câu 19 [Đinh Khắc Thuân 2011: 310]. Bởi vậy, có thể nói rằng, ở đây, lần đầu tiên một bản chép chữ và phiên âm dài nhất, bám sát nhất với nguyên văn hiện thấy trên chuông được công bố.

Ở trên là nói về kết cấu gồm 4 phần của bài minh theo nghĩa mở rộng, còn về trình bày thực tế trên thân chuông của nó thì như đã nói ở bài viết trước [Chu Xuân Giao 2015b: 23-24], cũng như thấy trong *Bảng 1* (cột “ô chữ trên nguyên bản”) và các Ảnh 2 - Ảnh 3 (chỉ dẫn về ô chữ thứ nhất và ô chữ thứ hai trên nguyên bản) trong bài viết này, tình hình như sau.

1) Phần M1 và một phần của M2 thì nằm trên ô chữ thứ nhất (ký hiệu là ô B1, xem Ảnh 2).

2) Một phần của M2, và M3 cùng M4 thì nằm trên ô chữ thứ hai (ký hiệu là ô B2, xem Ảnh 3).

Như vậy, nguyên bài minh theo nghĩa hẹp với 23 câu, tức phần M2, thì chạy vắt qua cả hai ô chữ (B1 và B2). Trong đó, các từ câu 1 đến 18 thì nằm ở ô B1, và các câu

từ 19 đến 23 thì nằm ở ô B2. Bản chép nguyên bài minh theo nghĩa hẹp trong *Cao Bằng thực lục* chỉ đến hết câu 18, tức hết ô B1; bản chép của nhóm Cung Văn Lược thì đến câu 19, tức hết ô B1 rồi thêm 1 câu ở đầu B2.

1.2. Cách đặt về câu, và cách gieo vần của bài minh theo nghĩa hẹp

Ở phần M2, là nguyên bài minh, từ câu 1 đến câu 23, thì mỗi câu gồm 8 chữ, và chia làm 2 vế trên dưới (mỗi vế gồm 4 chữ). Vần thì đặt ở tất cả các chữ cuối cùng của vế dưới. Có nghĩa là, 23 câu được liên kết với nhau bằng vần chân nằm ở chữ cuối mỗi câu. Ở đây, là vần **inh/anh** (g). Nhìn tổng thể bài minh thì nhận ra rằng, sở dĩ vần “inh” được sử dụng, là vì tác giả bài minh khéo léo gieo vần từ chính chữ “Minh” trong tên chùa “Viên Minh”, và chữ “Bình” trong tên kinh đô “Cao Bình”.

Phần M3 (niên đại) và phần M4 (phương danh) thì theo dạng văn xuôi mà không phải văn vần như bài minh. Số chữ ở các dòng thuộc hai phần này thì nhiều ít không thống nhất.

1.3. Tình trạng nguyên bản, đặc điểm mờ mòn chữ, và phương án thay thế những chữ mờ

Phần M1, tức dòng tiêu đề, thì rất rõ nét. Tuy vậy, bản chép của Nguyễn Hựu Cung cũng có khác với nguyên bản một chữ. Nguyên bản là: *Viên Minh tự chung minh, tán viết* 圓明寺鐘銘贊曰; còn bản chép của Nguyễn Hựu Cung là: *Viên Minh tự hồng chung minh, tán viết* 圓明寺洪鐘銘贊曰. Chữ “hồng chung 洪鐘” trong bản chép của Nguyễn Hựu Cung với nghĩa là “chuông lớn”, nên xem đó như là đánh giá của bản thân ông về độ lớn của chuông chùa Viên Minh. Trên thực tế, trong nguyên bản không có chữ “hồng chung”.

Phần M2, là nguyên bài minh với 23 câu, mỗi câu 8 chữ nên cả thấy là 184 chữ. Trong đó, số chữ đọc được là 122, số chữ không đọc được là 62. Tức là là số chữ đọc được chiếm 66,3% trong toàn thể, còn số chữ không đọc được chiếm 33,7%. Đó là nói về nguyên trạng của nguyên bản khắc trên chuông. Còn nếu đối chiếu nó với bản chép của Nguyễn Hựu Cung thì, như đã nói, bản chép chỉ có 18 câu, tức 144 chữ. Đối chiếu 18 câu (144 chữ) này với nhau, thì nguyên bản có tới 47 chữ không đọc được, còn bản chép của Nguyễn Hựu Cung lại đủ 144 chữ, tức không thiếu chữ nào. Như vậy, 47 chữ mờ không đọc được trong nguyên bản thì lại thấy được đầy đủ trong *Cao Bằng thực lục*. Tạm gác 47 chữ mờ trong nguyên bản, để đối chiếu kỹ lưỡng 97 chữ cùng thấy rõ giữa hai tư liệu này, thì thấy có 2 chỗ khác nhau. Đó là: ở vế 1 của câu 3, thì nguyên bản ghi “Thạch châu 石州”, nhưng *Cao Bằng thực lục* chép là “Thạch Lâm 石林”; và ở vế 1 của câu 17, nguyên bản ghi “y thời 伊時”, còn *Cao Bằng thực lục* chép “y tướng 伊將” (xem *bảng 1*). Với 2 trường hợp này, dĩ nhiên, chúng tôi sẽ dùng “Thạch châu” và “y thời” của nguyên bản. Nhìn chung, qua so sánh 97 chữ cùng thấy rõ ở cả hai tư liệu, có thể thấy rằng, bản chép của Nguyễn Hựu Cung tính đến hết câu 18 là tương đối đáng tin cậy (chỉ khác nguyên bản ở 2 chữ). Bởi vậy, với 47 chữ mờ của 18 câu đầu tiên (trong tổng số 62 chữ mờ của 23 câu) trên nguyên bản, cho đến khi tìm được phương cách hữu hiệu hơn, chúng ta có thể tạm sử dụng bản chép của Nguyễn Hựu Cung để thay thế.

Đặc điểm chung cho hiện trạng mờ mòn chữ trên nguyên bản là: ở phần M2, các chữ ở đầu mỗi câu và cuối mỗi câu thì thường rõ, còn ở khoảng giữa mỗi câu thì đều mờ mòn. Số câu đọc được trọn vẹn, tức rõ cả 8 chữ trong câu, thì chỉ là 4 (gồm các câu 1, 12, 18, 19) trên tổng số 23 câu. Phần M3 và M4, thì cơ bản là mờ mòn nhiều. Riêng M3, tức dòng niên đại, thì chúng tôi đã khôi phục và công bố ở nghiên cứu trước. M4 thì không chỉ mòn ở khoảng giữa, mà mòn cả ở phần đầu, nên chỉ còn đọc được phần cuối mỗi dòng.

Từ đặc điểm mờ mòn chung như trên, có thể suy đoán rằng, có vẻ như có một tác động nào đó từ bên ngoài (va chạm hay mài có chủ ý) vào khoảng giữa của bài minh, vì thế mà khoảng giữa đã mờ mòn đều. Ngoài ra, vết thủng lớn hiện thấy trên thân chuông cùng những vết như dùi đục hay búa đập ở nhiều chỗ cũng làm tăng tính giả thiết về một tác động từ bên ngoài.

Nhìn rộng ra, ngoài bài minh, vốn trên thân chuông còn có nhiều khoảng khắc chữ nữa. Tựa như ban đầu, khi được chế tác hoàn thành năm 1611, trên thân chuông được khắc một bài ký hoàn chỉnh nói rõ quá trình trùng tu ngôi chùa cổ Viên Minh và đúc chuông kỷ niệm lúc đó, và như lệ thường thì bài minh hiện thấy chỉ có ý nghĩa như là nội dung tóm tắt của toàn bộ bài ký đó. Thế nhưng, sau này, các khoảng khắc chữ khác đã bị mờ mòn (hoặc bị làm mờ đi một cách có chủ ý) hầu như toàn bộ, chỉ còn sót lại duy nhất bài minh, mà bản thân bài minh cũng đã mờ mòn tới hơn 30%. Cách nay khoảng 200 năm, vào thập niên 1800-1810, khi tới chùa Viên Minh và xem chuông lớn, có lẽ ông quan Nguyễn Hựu Cung cũng chỉ thấy còn bài minh là có thể đọc được, nên đã chép lại trong *Cao Bằng thực lục*. Ngay lúc bấy giờ, các khoảng khắc khác trên chuông có lẽ cũng đã mờ mòn gần toàn bộ, nên ông không chép được gì.

2. Nội dung bài minh qua tổng hợp tư liệu

Qua kết quả đối chiếu hai nguồn tư liệu chính ở trên, chúng tôi muốn đề xuất một bản chữ Hán tạm xem là tương đối hoàn chỉnh của bài minh (với nghĩa mở rộng, gồm 4 phần như đã nói ở trên). Sau đó là bản phiên âm Hán Việt và dịch nghĩa.

Kỳ thực, cho đến nay, trong các nghiên cứu đi trước, chưa từng xuất hiện một bản chữ Hán của bài minh (nghiên cứu của nhóm Cung Văn Lược, của Đinh Khắc Thuân, và của những người khác, đều chỉ có phiên âm Hán Việt). Bản mà chúng tôi đưa ra ở đây, như đã nói ở trên, lấy nguyên bản hiện còn thấy trên chuông làm bản nền, bởi vậy, sẽ khác với bản chép trong *Cao Bằng thực lục* ở một số chỗ. Riêng phần M2, với những chữ đã mờ hẵn không thể đọc được từ câu 1 đến câu 18 trong nguyên bản trên chuông thì chúng tôi tạm sử dụng bản chép trong *Cao Bằng thực lục* để điền thay thế. Những chữ đã mờ hẵn không đọc được hay đọc suy đoán từ câu 19 đến câu 23 thì dùng ký hiệu ô vuông đen (■) và tam giác đen (▲) để chỉ báo. Trong phiên âm và dịch nghĩa thì ký hiệu ô vuông đen được thay bằng ký hiệu gạch ngang (-). Việc đánh số thứ tự các câu được sử dụng ở bản chữ Hán và bản phiên âm Hán Việt, nhưng tạm không sử dụng ở phần dịch nghĩa.

2.1. Bản chữ Hán của bài minh:

Bảng 2: Bảng chữ Hán bài minh (đề xuất của tác giả bài viết)

圓明寺鐘銘 贊曰							
1	天	開	南	越	地	開	高
2	中	居	王	府	北	控	帝
3	石	州	勢	仕	沱	郡	地
4	青	山	拱	抱	碧	水	繞
5	古	名	藍	跡	寺	號	圓
6	遠	銅	鐘	鑄	日	揚	相
7	上	懸	於	閣	右	置	于
8	峰	巒	峯	鐘	金	玉	鏗
9	蒲	敲	月	響	鯨	動	風
10	神	祠	對	峙	佛	殿	崢
11	時	更	鼎	沸	音	寂	鐘
12	世	情	忘	感	私	欲	橫
13	因	由	缺	廢	須	待	經
14	佐	莫	聖	主	有	黎	暨
15	金	銅	施	發	功	德	順
16	鳩	工	蓮	像	補	範	釘
17	伊	時	謀	始	不	日	(金+寧)
18	完	圓	如	舊	遠	近	告
19	陰	功	既	頌	陽	報	知
20	明	良	■	■	喜	起	必
21	萬	▲(代)	■	■	■	■	歌
22	子	孫	■	■	■	■	壽
23	吾	齊	■	■	■	■	光
24	龍集乾統萬萬年之十九歲在辛亥花朝節殺日						
25	■■■■■■■■■■德泰并妻范氏玉燕						
26	■■■■■■■■■■銅三斤十兩鑄補						
27	■■■■■■■■■■銅一斤						
28	■■■■■■■■■■鑄補						
29	■■■■■■■■■■阮子儒刊						

2.2. Bản phiên âm Hán Việt

Viên Minh tự chung minh, tán viết:

- [1] Thiên khai Nam Việt, địa tịch Cao Bình (Cao Bằng).
- [2] Trung cư vương phủ, bắc không đế thành.
- [3] Thạch châu thể tráng, Đà quận địa linh.
- [4] Thanh sơn cùng bảo, bách thủy nhiễu oanh.
- [5] Cổ danh lam tịch, tự hiệu Viên Minh.
- [6] Tạo đồng dung chú, nhật dương tương hành.
- [7] Thượng huyền ư các, hữu trí vu sản.
- [8] Phong loan tốt luật, kim ngọc khanh oanh.
- [9] Bò sao nguyệt hưởng, kinh động phong thanh.
- [10] Thần từ đối trĩ, Phật điện tranh vanh.
- [11] Thời canh đỉnh phát, âm tịch chung minh.
- [12] Thế tình vong cảm, tư dục hoành sinh.
- [13] Nhân do khuyết phế, tu đãi kinh doanh.

- [14] Tá Mạc thánh chúa, hữu Lê hiền khanh.
- [15] Kim đồng thí phát, công đức thuận hoành.
- [16] Cưu công tô tượng, bổ phạm đình hình.
- [17] Y thời mưu thủy, bất nhật cáo thành.
- [18] Hoàn viên như cưu, viễn cận tri danh.
- [19] Âm công ký hiển, dương báo tất vinh.
- [20] Minh lương - -, hi khởi ca khang.
- [21] Vạn đại (?) - -, - - thọ ninh.
- [22] Tử tôn - -, - - quang hanh.
- [23] Ngô tề - -, tư minh.
- [24] Long tập Càn Thống vạn vạn niên chi thập cửu, tuế tại Tân Hợi
Hoa Triều tiết cốc nhật.
- [25] - - - - - Đức Thái tịnh thê Phạm Thị Ngọc Yến.
- [26] - - - - - đồng tam cân thập lạng bác bỏ
- [27] - - - - - đồng nhất cân
- [28] - - - - - bác bỏ
- [29] - - - - - Nguyễn Tử Nhụ san.⁽²⁾

2.3. Bản dịch nghĩa

Ở đây, chúng tôi tạm chưa dịch thành dạng văn vần mang tính đối xứng với nguyên bản (có khuôn cố định: mỗi câu có 2 vế, mỗi vế có 4 chữ), mà mới cố gắng dịch nghĩa, nên số chữ ở các câu dịch không đều nhau.

Bài minh trên chuông chùa Viên Minh - Lời tán rằng:

Trời mở ra Nam Việt, đất tạo nên Cao Bình (Cao Bằng).
 Nằm giữa vương phủ, phía bắc giáp ngay với kinh thành của nhà vua.
 Châu Thạch có thể vững mạnh, Đà Quận là chốn địa linh.
 Núi xanh ôm bọc, nước biếc uốn quanh.
 Dấu tích của ngôi danh lam cổ, tên gọi Viên Minh.
 Chế đồng đúc chuông, cùng đua với ngày [đêm].
 Ở trên thì treo lên gác, lại đặt trong sảnh đường ở bên phải.
 Núi cao chót vót, tiếng vàng ngọc vang vang.
 Chuông ngân rung vàng trắng, lan đi trong gió như tiếng cá kình quẫy động.⁽³⁾
 Đèn thần thì ở ngay trước mặt, điện Phật sừng sững.
 Thời vận đổi thay, tiếng chuông ngưng bật.
 Thế tình quên lãng, tư dục nổi lên.
 Bởi vậy [chùa] hoang phế, cần phải đợi người tới lo liệu [tu tạo].
 Giúp thánh chúa Mạc, có hiền khanh họ Lê.
 Cúng vàng góp đồng, công đức lớn lao.

Đón thợ tô tượng, tu sửa định hình.
 Khởi công từ đó, chẳng mấy chốc mà hoàn thành.
 Hoàn mỹ như xưa, xa gần đều biết tiếng.
 Công đức ngăm giúp đã rạng rỡ, sự đền đáp ở cõi dương ắt sẽ vẻ vang.⁽⁴⁾
 Vua sáng tôi hiền - -, trên dưới hòa mục cùng nhau ca hát xướng họa.
 Muôn đời - -, - - trường thọ và an vui.
 Con cháu - -, - - vinh hiển.
 Bọn tôi - -, - - nay làm bài minh.
 Ngày tốt vào tiết Hoa Triều, năm Tân Hợi, năm thứ 19 niên hiệu Càn Thống
 [sẽ trường tồn] vạn vạn năm
 - - - - - Đức Thái và vợ là Phạm Thị Ngọc Yến.
 - - - - - đồng 3 cân 10 lạng góp đúc chuông.
 - - - - - đồng 1 cân.
 - - - - - góp đúc chuông.
 - - - - - Nguyễn Tử Nhụ khắc chữ.

Sau khi đã giải quyết những vấn đề văn bản học và đưa ra bản dịch nghĩa bài minh như đã trình bày ở trên, tiếp theo, chúng tôi sẽ luận giải về nội dung của bài minh trong đối chiếu với các nguồn tư liệu khác nhau. Từ đó, đưa ra một số nhận thức về vương triều Mạc thời kỳ Cao Bằng ở xung quanh thời điểm năm 1611.

3. Ngôi cổ tự Viên Minh

Về chùa Viên Minh, một số ghi chép và nghiên cứu trước đây thường xem là kiến trúc được dựng mới từ khi nhà Mạc lên đóng đô ở Cao Bằng, rồi sau đó được trùng tu khi nhà Lê lấy được Cao Bằng. Thậm chí, có ý kiến cho rằng, bản thân bài minh được “viết vào thời Lê, khi tu tạo ngôi chùa vốn được xây dựng từ thời Mạc này” [Đình Khắc Thuần 2011: 310], hoặc “ca ngợi vẻ đẹp của châu Thạch Lâm lúc bấy giờ và sự phục hồi của chùa Viên Minh sau khi nhà Lê khôi phục được đất Cao Bằng” [Đặng Hồng Sơn-Phạm Văn Chiến-Nguyễn Xuân Toàn 2011: 156]. Mở đầu cho loại ý kiến này, có lẽ chính là ghi chép của Nguyễn Hựu Cung từ đầu thế kỷ XIX. Trong mục “Thần chung sự lục” (ghi chép về chuông thần) của *Cao Bằng thực lục*, ông viết: “Trước đây, ở thôn Đà Quận, xã Xuân Lĩnh, châu Thạch Lâm có đền Quan Triều Hồng Liên công chúa, đối diện với đền là chùa Viên Minh (**dựng mới từ thời Mạc**)”⁽⁵⁾ [Nguyễn Hựu Cung 1810: 56]. Ở mục *Viên Minh tự* (chùa Viên Minh) trong cùng sách, Nguyễn Hựu Cung ghi tiếp rằng: “chùa này ở xã Xuân Lĩnh, đối diện với đền Quan Triều Hồng Liên công chúa. **Có từ khoảng năm Tân Hợi niên hiệu Càn Thống của Mạc**. Sau khi quân Mạc bại trận, chùa bị hoang phế toàn bộ. Đến khi quân triều Lê thu lại Cao Bằng, trùng tu lại chùa đó. Vào khoảng năm Giáp Tý thời Cảnh Hưng, giặc giã nổi lên như ong, nhân dân chạy lên núi, nhà chùa hoang phế, tường ngói sập vỡ cả...”⁽⁶⁾ [Nguyễn Hựu Cung 1810: 93].

Ngoài chùa Viên Minh, theo ghi chép trong *Cao Bằng thực lục* thì cùng trong năm Tân Hợi, tức năm Càn Thống thứ 19 (1611), chùa Đồng Lân cũng được xây mới.

Cụ thể như sau: “Chùa Đồng Lân. Chùa này nằm ở xã **Mạnh Tuyên**. Có từ năm Càn Thống thứ 19, tức năm Tân Hợi, do hoàng hậu nhà Mạc xây cất...”⁽⁷⁾ [Nguyễn Hựu Cung 1810: 91].

Như vậy, với ghi chép của Nguyễn Hựu Cung thì, hai ngôi chùa Viên Minh và Đồng Lân đều là được xây mới từ thời Mạc, cụ thể là vào năm Càn Thống 19. Về khoảng cách địa lý, thì đây là hai ngôi chùa nằm gần nhau. Chùa Đồng Lân ngày nay hiện không còn lưu giữ được bất cứ cổ vật nào (bia đá, chuông đồng...)⁽⁸⁾

Sách *Đại Nam nhất thống chí* của Quốc Sử Quán triều Nguyễn cũng ghi chép giống như Nguyễn Hựu Cung, rằng: “Chùa Đồng Lân ở xã **Vu Thủy** huyện Thạch Lâm. **Tương truyền chùa này và chùa Minh Viên, đều do nhà Mạc dựng**”⁽⁹⁾ [Quốc Sử Quán triều Nguyễn 1967: 46; 2006: 493]. Chú ý đến các chữ “Mạnh Tuyên”, “Vu Thủy”, sẽ được bàn trở lại ở dưới.

Tuy nhiên, đi sâu khảo sát nội dung của bài minh chùa Viên Minh như đã làm ở trên đây, và tham chiếu các tài liệu liên quan, chúng tôi cho rằng, riêng chùa Đồng Lân có thể được dựng mới từ thời nhà Mạc, nhưng chùa Viên Minh thì không phải thế, mà nó đã có từ trước, có thể là từ thời Lý, để rồi được trùng tu vào năm Càn Thống 19. Có 3 căn cứ như sau cho nhận định này.

3.1. Ba căn cứ gốc cho chùa Viên Minh

3.1.1. Từ chính nội dung bài minh

Chính bản thân nội dung bài minh đã cho chúng ta biết rõ rằng, ở thời điểm năm 1611, đối với người soạn bài minh, tức thần dân của vua Mạc Kính Cung, thì Viên Minh đã là một “cổ danh lam”. Cảnh trí một ngôi đền thờ thần và một ngôi chùa thờ Phật ở trong cùng một khuôn viên trong thế đối diện nhau, là đã có từ xưa: “Chuông ngân rung cả vàng trắng, lan đi trong gió như tiếng cá kình quẫy động.//Đền thần thì ở ngay trước mặt, điện Phật sừng sững”. Rồi một lúc nào đó, bởi thời cuộc và lòng người đổi thay mà chùa đã tàn tạ, hoang phế, tiếng chuông đã ngưng: “Thời vận đổi thay, tiếng chuông ngưng bật.//Thế tình quên lãng, tư dục nổi lên.//Bởi vậy [chùa] hoang phế, cần phải đợi người tới lo liệu [tu tạo]”. Kịp khi ấy, các thí chủ, như ông Đức Thái và vợ là Phạm Thị Ngọc Yến, và nhiều người khác theo nhà Mạc lên xây dựng kinh đô Cao Bình, đã góp công của trùng tu lại chùa Viên Minh: “Cúng vàng góp đồng, công đức lớn lao.//Đón thợ tô tượng, tu sửa định hình.//Khởi công từ đó, chẳng mấy chốc mà hoàn thành.//Hoàn mỹ lại như xưa, xa gần đều biết tiếng”. Nhân dịp ấy, họ đúc lên chuông lớn và khắc bài minh lên đó làm kỷ niệm: “Bọn tôi - - , - - nay làm bài minh”.

3.1.2. Truyền ngôn với một số dị bản về những ngôi chùa cổ

Với nhiều năm làm điền dã dân tộc học ở Cao Bằng (bắt đầu từ giữa thập niên 1990 đến nay), từ nhiều người ở nhiều địa phương, chúng tôi đã nghe các truyền ngôn về những ngôi chùa cổ. Hai ngôi chùa nổi tiếng nhất trong đó là chùa Viên Minh và chùa Sùng Phúc. Đây là hai ngôi chùa cách xa nhau, tới khoảng 70km. Chùa Viên Minh thuộc địa phận xã Hưng Đạo, thành phố Cao Bằng ngày nay (cách trung tâm thành phố khoảng 10km), tức ở sâu trong nội địa; còn chùa Sùng Phúc thuộc địa phận

xã Thanh Nhật, huyện Hạ Lang cùng tỉnh (gần Ủy ban Nhân dân huyện Hạ Lang), tức ở gần biên giới Việt-Trung. Chuông chùa Viên Minh (tức chuông chùa Đà Quận) được nhận bằng công nhận di tích lịch sử-văn hóa cấp quốc gia năm 1995, còn bia chùa Sùng Phúc thì được nhận bằng ấy vào năm 1994.⁽¹⁰⁾ Theo truyền ngôn, hai ngôi chùa này vốn đã có từ thời Lý, thời Trần.

Ngày nay, tới thăm chùa Viên Minh, chúng ta sẽ thấy có một đôi câu đối viết bằng Quốc ngữ theo lối mới trên hai cột bên trong chùa, là: “Viên Minh thắng tích hưng tiền Lý//Đà Quận thần chung chú hậu Lê” (tạm dịch: Thắng tích Viên Minh được khởi dựng trước, vào thời Lý//Chuông thần Đà Quận được đúc sau, vào thời Lê). Đôi câu đối này, như nghĩa của nó, cũng là phản ánh truyền ngôn trong dân gian về lịch sử ngôi chùa.

Không chỉ là truyền ngôn đang lưu truyền ở các địa phương hiện nay, mà còn thấy những ghi chép cũ mang tính hồi cố. Chẳng hạn, trong cuốn sách lớn *Đồng Khánh địa dư chí* thời Nguyễn, phần “huyện Thạch An” thuộc *tỉnh Cao Bằng* có ghi như sau về chùa Viên Minh với cái tên đi kèm địa danh là Xuân Lĩnh:

“**Chùa Xuân Lĩnh**: tên chữ là chùa Viên Minh. Tương truyền xưa có hai quả chuông, một quả là chuông trống (hùng), một quả là chuông mái (thư). Khi nhà Mạc chiếm cứ vùng này, ban đêm chuông ấy thường từ đầm sông Mãng đánh nhau với thủy thần. Có một đêm ở chỗ đầm sông nghe tiếng chuông và tiếng nước kêu gầm chấn động. Sáng sớm ra xem thấy mất quả chuông trống, không ai lấy, nhân đó gọi chỗ đầm sông đó là Đầm Chuông. Ba năm sau có thương nhân người Thanh nói người ta tìm được ở bờ sông phủ Thái Bình một quả chuông không có xi đầu, trên thân chuông có khắc 4 chữ “**Viên Minh tự chung**”. Hỏi quan trấn thì được biết sư chùa Viên Minh đã sang tận nơi thăm dò thì quả đúng như thế. Nay tại chùa quả chuông mái vẫn còn. Theo cô tục, hàng năm đến ngày 10 tháng Giêng chùa mở hội lớn. Nhưng sau binh lửa, quy mô lễ hội không được như trước nữa”⁽¹¹⁾ [Ngô Đức Thọ-Nguyễn Văn Nguyên-Philippe Papin 2003a: 666].

Theo ghi chép trên thì chùa Viên Minh và đôi chuông đồng trống mái đã có từ trước khi nhà Mạc lên định đô. Sau này, chuông trống đã lưu lạc sang phủ Thái Bình đất nhà Thanh, vào thời nhà Mạc. Bởi vậy, chùa chỉ còn lại chuông mái.

Câu chuyện một quả chuông ở khu vực chùa Viên Minh và đền Quan Triều lưu lạc sang đất Trung Quốc cũng được ghi trong *Cao Bằng thực lục* tại mục “Thần chung sự lục” đã nhắc ở trên. Tuy nhiên, sách này lại cho đó là chuông của đền Quan Triều, mà không phải chùa Viên Minh. Nội dung đại khái như sau (tạm dẫn theo bản lược dịch của Đinh Khắc Thuân): **trong đền Quan Triều Hồng Liên công chúa có hai quả chuông lớn** treo song song ở trên gác chuông. Mỗi kỳ xuân thu tế tự thì đánh chuông, tiếng vang như sấm dậy, chấn động đến trăm dặm. Bên tả đền liền với con sông lớn, giữa dòng có cái đầm sâu, tương truyền có hang giao long ở đó, sư chùa Viên Minh sớm tối trú trì, thường lên thắp hương ở đền. Vào giữa canh năm đêm rằm, sư trưởng trở dậy lặng lẽ thắp hương ở chùa xong lại lên thắp hương ở đền rồi bước qua lên gác chuông. Bỗng thấy chuông thần ở gác bên tả, rêu xanh bám kín, thân chuông dầm nước, biết là sự lạ bèn nấp yên một chỗ, đến lúc tức thờ thì thấy chuông thần ở

gác bên tả từ trên giá dờ xuống, miệng úp đất, đi nhanh xuống sông. Nhà sư liền ngằm đến bên sông. Bấy giờ trăng sáng vằng vặc, thấy giao long quần tròn trên chuông, lúc chìm lúc nổi, nước sông dập dềnh, lại nghe có tiếng ào ào. Ước chừng 2 giờ, chuông thần kêu vang, rùng rùng mà lên như có ý quả quyết, đi thẳng về gác. Đêm nào cũng vậy. Từ đó sư trưởng thiết án đốt hương, ngày ngày khầu đầu làm lễ mà tăng đồ đều không hiểu có gì. Đến ngày thứ 8 thấy hoa kinh nứt vỡ (hoa kinh là cái bồ lao), sư quỳ lạy khấn: “Chuông thần chuông thần, đánh mạnh chớ dừng, chờ lập kỳ công”. Liên mấy ngày không thấy chuông đi, đến đêm thứ 3 chuông lại đi. Đêm đó tiếng chuông âm âm không dứt, nước sông dềnh lên, sóng vọt cao như núi, đến mờ sáng không thấy chuông về gác, sư men theo sông khầu đầu rồi lặn về gác nhưng cũng hoàn toàn không thấy tăm tích. Từ đó dân vùng phụ cận gọi đầm ấy là Đầm Chuông. Thế rồi thuyền bè không còn gặp giao long nữa. Chuyện xảy ra khoảng năm Giáp Tý niên hiệu Vĩnh Tộ nhà Lê (1624). Đến năm Tân Dậu niên hiệu Chính Hòa (1681), vào tháng 2, có người ở châu Thái Bình Trung Quốc đến thành Mục Mã buôn bán đồ đồng, nói rõ có một quả chuông lớn từ sông Long Châu trôi ngược lên, đến bến Hắc Hà châu Thái Bình. Bấy giờ nước sông dâng cao, chuông thần dập dờn trên sông, đột nhiên trôi lên bãi. Người ta bậm cáo, quan châu kéo đến xem rồi sai người khiêng nhưng không khiêng nổi. Bỗng nhiên có tiếng giận dữ như sấm, đánh chết người thợ. Bởi vậy quan châu sợ. Rồi người ta làm điện vũ, thờ theo lễ thái lao, cầu tạnh xin mưa, ơn trạch đến khắp dân lành. Nghiệm quai chuông có thể biết mưa nắng. Trời sắp nắng thì quai chuông sáng sủa, nếu sặc xám như chì thì mưa, không hề sai. Ấy là điều kỳ lạ của chuông thần. Nhân đó sai người xem kỹ chuông ấy, đọc văn chuông thấy đích là **chuông thần của Quan Triều**, đến nay vẫn còn [Nguyễn Hựu Cung 1810: 56-60; Đinh Khắc Thuân 2011: 307-308].

Tuy nhiên, thú vị là, văn câu chuyện chuông của Cao Bằng lưu lạc sang đất nhà Thanh như trên, nhưng trong *Đại Nam nhất thống chí* lại ghi là chuông của chùa Sùng Phúc, mà không phải chuông của chùa Viên Minh hay đền Quan Triều. Cụ thể như sau:

“**Chùa Sùng Phúc**: ở xã Lệnh Cẩm huyện Hạ Lang, nguyên tên là chùa Sùng Khánh, dựng trên đỉnh núi Bò Càn, có một quả chuông bằng đồng cao 4 thước 5 tấc, khoát 3 thước. Chợt một đêm, quả chuông ấy rơi xuống cái đầm bên cạnh chùa. Thầy chùa trông thấy có con giao long quần quanh thân chuông, lúc chìm, lúc nổi, làm nước trong đầm sôi sục lên, nổi một lát lại trở về nguyên chỗ cũ, rồi đêm nào cũng thế, đến sau 8, 9 ngày thì không thấy quả chuông đâu cả, mà đầm ấy cũng không bị giao long quấy nhiễu nữa. Nhân đấy gọi tên là “Đầm Chuông”. Việc này xảy ra vào đời Lê Vĩnh Tộ, đến đời Chính Hòa, có người châu Thái Bình nước Thanh đến buôn ở Cao Bằng, nói chuyện: “Trước có quả chuông từ sông Long Châu ngược dòng trôi đến Bắc Hà, châu Thái Bình. Quan châu sai thợ tiêu phá, thì quả chuông ấy toát mồ hôi ra như mưa và có tiếng dữ dội như sấm. Quan châu sợ, không dám tiêu hủy nữa, mà đem treo ở ngôi đền khác tế bằng lễ thái lao”. Người địa phương liền đến nơi nhận kỹ, quả nhiên là chuông chùa Sùng Khánh. Đời Cảnh Hưng dời chùa đến chỗ hiện nay và đổi tên là chùa Sùng Phúc, sai soạn văn bia lược thuật việc này, bia ấy nay vẫn còn” [Quốc Sử Quán triều Nguyễn 2006: 493-494].

Như vậy, nếu chỉ dựa vào tư liệu ghi chép dạng hồi cổ như trên, quả thực, không thể biết thực chất câu chuyện là gì. Chuông lưu lạc sang đất Trung Quốc là chuông của chùa Viên Minh, của đền Quan Triều, hay của chùa Sùng Phúc. Từ kết quả nghiên cứu gần đây của học giới Việt Nam về quả chuông lưu lạc sang đất Trung Quốc, chúng ta đã biết: đó là chuông của chùa Sùng Phúc, tức Sùng Khánh có từ thời Lý, mà trong bài văn khắc trên thân chuông ấy quả đúng có 3 chữ “Viên Minh tự” (gần giống với ghi chép về 4 chữ “Viên Minh tự chung” của *Đồng Khánh địa dư chí* đã dẫn ở trên). Điều này sẽ được trình bày vắn tắt tiếp theo đây, và được xem như là căn cứ thứ ba có ý nghĩa bổ sung quan trọng để chúng tôi cho rằng chùa Viên Minh, cùng với chùa Sùng Khánh, là những ngôi chùa cổ của Cao Bằng vốn có từ thời Lý.

3.1.3. Từ kết quả những nghiên cứu gần đây về chuông chùa Sùng Phúc

Kết quả nghiên cứu gần đây của nhóm Phạm Lê Huy [Phạm Lê Huy-Trần Quang Đức 2013] đã chứng tỏ chuông lưu lạc từ Cao Bằng sang Trung Quốc đích thực là chuông của chùa Sùng Khánh thời Lý (tiền thân của chùa Sùng Phúc ở huyện Hạ Lang ngày nay). Theo nghiên cứu này, chúng ta biết được 6 điểm cốt yếu sau đây về chùa Sùng Khánh và quan hệ giữa nó với chùa Viên Minh.

1. Tài liệu phía Trung Quốc gọi chiếc chuông lưu lạc từ Cao Bằng sang là “phi lai chung 飞来钟” (chuông bay tới). Có các tư liệu tiêu biểu chép về chuông này như: *Dùng trảng tiểu phẩm* của Chu Quốc Trinh (1558-1632), *Xích nhĩ* của Quảng Lộ (1602-1648), *Việt Tây kim thạch lược* của Tạ Khải Côn (1737-1802), *Lôi Bình huyện chí* của Lương Minh Lâm, *Quảng Tây thông chí*...

2. Nội dung tóm tắt về câu chuyện “phi lai chung” như sau: tương truyền chuông bay từ châu Tư Lang của Giao Chi sang Quảng Tây. Khi trời tối, chuông lao xuống nước đánh nhau với rồng, đến khi trời sáng lại quay về chỗ cũ. Đến năm Kỷ Mão niên hiệu Chính Đức (1519), chuông bị trộm cắt lấy phần núm treo chuông và phần vành chuông, từ đó mới hết những chuyện kỳ quái. Viên tướng Thảm Hi Nghĩa (1491-1554) còn sai người đến xem chuông, định phá lấy đồng đúc vũ khí, nhưng người đó chưa đến gần chuông thì đã bị vật chết [Phạm Lê Huy-Trần Quang Đức 2013: 29].

3. Nguyên vật của chuông này còn được bảo quản tại một ngôi miếu ở trấn Lôi Bình, huyện Đại Tân, tỉnh Quảng Tây tới tận thời Dân Quốc (thấy một bản chép của bài văn trên thân chuông trong bộ sách *Lôi Bình huyện chí* - được biên soạn và phát hành dưới dạng viết tay năm 1946). Nhưng sau đó, cả ngôi miếu và chuông đã bị phá hủy trong Cách mạng Văn hóa [Tài liệu đã dẫn: 23-24].

4. Có một số giả thiết xung quanh thời điểm chuông của châu Tư Lang lạc sang Quảng Tây, chẳng hạn: vào niên hiệu Chính Thống thời Minh (1436-1439), khi thô quan của các châu An Bình, Tư Lăng của nhà Minh đánh nhau với thổ quan châu Tư Lang của An Nam, thì chuông này đã bị cướp về đất Quảng Tây. Còn nhóm Phạm Lê Huy thì tạm định rằng, trong điều kiện tư liệu hiện nay, “có khả năng chuông đã lưu lạc sang Trung Quốc vào đầu thế kỷ XVII, có thể vào năm 1624 (Vĩnh Tộ 6), muộn nhất cũng trước năm 1632” [Tài liệu đã dẫn: 32].

5. Điểm quan trọng là, trên chuông có khắc văn bản mang tựa đề *Tư Lang châu Sùng Khánh tự chung minh tịnh tự* 思琅州崇慶寺鐘銘并序 với niên đại *Hội Tường*

Đại Khánh tứ niên chính nguyệt thập ngũ nhật 會祥大慶肆年正月拾伍日, tức “ngày 15 tháng Giêng năm thứ 4 niên hiệu Hội Tường Đại Khánh”, thời Lý Nhân Tông, tính sang dương lịch là năm 1113. Văn bản này hiện có một số bản chép của phía Trung Quốc. Nhóm Phạm Lê Huy đã tiến hành hiệu khảo văn bản, để đưa ra một bản dịch nghĩa. Theo nội dung văn bản, thì người xây dựng chùa Sùng Khánh và đúc chuông là Phò mã Dương Cảnh Thông 楊景通 - một nhân vật xuất thân từ gia đình họ Dương có vai trò quan trọng ở nơi biên ải, bản thân được vua Lý gả công chúa Thọ Dương. Như nguyên văn ghi trong bài minh trên chuông, thì Dương Cảnh Thông nắm giữ nhiều chức vụ, mà một trong đó là “*kiêm Quảng Nguyên, Tư Lang đẳng châu Tiết độ Quan sát sứ* 兼廣源思琅等州節度觀察使”, tức là “*Tiết độ Quan sát sứ* của các châu Quảng Nguyên và Tư Lang”. Đại khái, chúng ta có thể tạm hiểu “châu Quảng Nguyên” thời Lý là địa bàn của hai huyện Quảng Uyên và Phục Hòa tỉnh Cao Bằng ngày nay, còn “châu Tư Lang” thời Lý thì là địa bàn huyện Hạ Lang cùng tỉnh ngày nay, đều là vùng biên tiếp giáp với Trung Quốc. Ở thời điểm năm 1113, Dương Cảnh Thông đã cưới công chúa Thọ Dương 壽陽公主 (vì trên chuông có ghi lời chúc tụng công chúa), và đang kiêm chức *Tiết độ Quan sát sứ* của hai châu Quảng Nguyên, Tư Lang. Như vậy, lần đầu tiên, với khảo cứu của nhóm Phạm Lê Huy, chúng ta đã có được căn cứ gốc để khẳng định tiền thân của chùa Sùng Phúc ngày nay vốn là một ngôi chùa cổ có từ thời Lý.

6. Đặc biệt, trong văn bản khắc trên chuông đúc năm 1113 này, chúng ta thấy có 3 chữ “Viên Minh tự”. Cụ thể là ở cuối văn bản, có ghi rõ tên và thông tin liên quan của những người biên soạn, viết chữ, san khắc. Trong đó, có ghi “Quảng Giáo **Viên Minh tự** Hồng Tán đại sư Thích Diên Thọ san 廣教圓明寺洪讚大師釋延壽刊”, được hiểu là “Hồng Tán đại sư Thích Diên Thọ chùa Quảng Giáo **Viên Minh** khắc”. Có lẽ là vì có 3 chữ “Viên Minh tự” này mà *Đồng Khánh địa dư chí* đã xem chuông lạc sang Quảng Tây là của chùa Viên Minh. Nhưng rõ ràng, xem kỹ hơn, thì chỉ có 3 chữ “Viên Minh tự” (chùa Viên Minh) mà không phải là 4 chữ “Viên Minh tự chung” (chuông chùa Viên Minh) như trong ghi chép của *Đồng Khánh địa dư chí*. Thú vị là, trước đây, các soạn giả bộ *Đại Nam nhất thống chí* đã xác định được chuông ấy là thuộc chùa Sùng Phúc, tức chùa Sùng Khánh thời Lý. Hiện chưa rõ *Đại Nam nhất thống chí* đã căn cứ theo tài liệu nào. Phải chăng các soạn giả thời đó đã tham khảo các nguồn tài liệu như *Việt Tây kim thạch lục*, *Quảng Tây thông chí* ?

Như vậy, nhờ phát hiện bài văn khắc trên quả chuông đúc năm 1113 vốn của chùa Sùng Khánh ở Cao Bằng đã lưu lạc sang đất Quảng Tây, mà chúng ta biết rằng, vào thời điểm năm 1113 đã có chùa Viên Minh. Khi chùa Sùng Khánh đúc chuông kỷ niệm việc khánh thành, thì một nhà sư của chùa Viên Minh đã tới khắc bài văn lên thân chuông. Đó là một ví dụ cụ thể cho thấy quan hệ giao lưu giữa hai ngôi chùa ở cách xa nhau. Trong tỉnh Cao Bằng vốn rất ít chùa, thì “Quảng Giáo Viên Minh” thời Lý hẳn là tiền thân của “Viên Minh” thời Mạc.

3.2. “Viên Minh” thời Mạc và “Quảng Giáo Viên Minh” thời Lý

Với căn cứ thứ nhất đã trình bày ở trên (nội dung của chính bài minh trên chuông chùa Viên Minh đúc năm 1611), chúng tôi cho rằng, Viên Minh là ngôi chùa cổ, và

“chùa Quảng Giáo Viên Minh” của niên đại 1113 rất có thể có hậu thân là “chùa Viên Minh” của niên đại 1611.

Nhóm Phạm Lê Huy thì do mới chỉ thấy bài minh trên chuông chùa Viên Minh của niên đại 1611 qua bản chép trong *Cao Bằng thực lục* hay bản đọc của nhóm Cung Văn Lược năm 1994, mà chưa từng tiếp xúc với nguyên vật tại Cao Bằng hiện nay, nên vẫn viết rằng “theo những tư liệu chúng ta còn lưu giữ được, chùa Viên Minh (Đà Quận) mới được xây dựng vào triều Mạc” [Phạm Lê Huy-Trần Quang Đức 2013: 31].

Đến bây giờ, thì có thể đặt vấn đề theo một hướng mới, rằng chính nội dung của bài minh trên chuông chùa Viên Minh đúc năm 1611, với cách đọc lại như trên của chúng tôi, đã có thể góp phần làm sáng tỏ vị trí của “chùa Quảng Giáo Viên Minh” trên văn bản của năm 1113. Rất có thể cả hai ngôi chùa thời Lý ở Cao Bằng đã cùng đổi tên, “Sùng Khánh tự” thì sang “Sùng Phúc tự”, còn “Quảng Giáo Viên Minh tự” thì thành “Viên Minh tự”.

Bản thân 2 chữ “Quảng Giáo” trong “Quảng Giáo Viên Minh tự” thì hiện chưa rõ nghĩa, là gắn với giáo lý nhà Phật, hay gắn với địa danh, xin tạm gác lại để tiếp tục khảo cứu. Sau đây là một vài suy nghĩ bước đầu.

Trước hết, chưa rõ “Quảng Giáo” này có liên quan đến “Quảng Giáo tự” (chùa Quảng Giáo) đã được vua Lý Nhân Tông cho xây dựng ở Tiên Du vào năm 1121 (hoàn thành năm 1123) hay không? Sự kiện nhà vua cho xây dựng, rồi tổ chức hội khánh thành chùa Quảng Giáo, được ghi trong *Đại Việt sử ký toàn thư*⁽¹²⁾ [Viện Khoa học Xã hội Việt Nam 2009a: 368-369].

Hai là, chữ “Quảng Giáo” cũng làm liên tưởng đến hội đèn gọi là “Quảng Chiêu” được vua Lý Nhân Tông cho tổ chức dài ngày và nhiều lần ở kinh đô, mà có thể thấy miêu tả khá chi tiết trong văn bia Sùng Thiện Diên Linh hay trong *Đại Việt sử ký toàn thư* [Lê Mạnh Thát 2005: 227-231].

Ba là, cái tên chùa gồm 4 chữ “Quảng Giáo Viên Minh tự” còn làm liên tưởng đến các ngôi chùa có tên gồm 4 chữ khác cũng xây dựng thời Lý, như “Sùng Thiện Diên Linh tự”, “Sùng Nghiêm Diên Khánh tự”, “Ngưỡng Sơn Linh Xứng tự”, “Càn Ni Hương Nghiêm tự”.

Tựu trung lại, với những tư liệu như trình bày ở trên, chúng ta hoàn toàn có thể khẳng định chùa Viên Minh vốn là ngôi cổ tự đã có từ lâu, rồi được trùng tu lại khi nhà Mạc lên Cao Bằng. Tiền thân của “Viên Minh tự” thời Mạc có đúng là “Quảng Giáo Viên Minh tự” thời Lý hay không thì cần đợi những khảo cứu tiếp theo. Còn chuông thần lưu lạc sang đất Quảng Tây thì đích thực là của chùa Sùng Khánh ở châu Tư Lang thời Lý (tức chùa Sùng Phúc ở Hạ Lang ngày nay), mà không phải là của chùa Viên Minh hay đền Quan Triều ở châu/huyện Thạch Lâm (hay Thạch An) như thấy trong các ghi chép trước đây. *(Còn tiếp)*.

C X G

CHÚ THÍCH

- (1) Ảnh về chuông chùa Viên Minh và các địa điểm liên quan (như chợ Cao Bình) trong bài này là của tác giả bài viết, và đều được chụp vào ngày 18 tháng 3 năm 2014. Các ảnh chuông đã công bố ở bài viết trước (Chu Xuân Giao 2015b) là được chụp vào ngày 29 tháng 11 năm 2012.

- (2) Có 3 bản phiên âm tiêu biểu của các nhà nghiên cứu đi trước (xem ở dưới). Trong đó, bản 1 và bản 3 là của các nhà nghiên cứu ở trung ương, còn bản 2 là của nhà nghiên cứu tại địa phương. Chúng tôi có một điều chỉnh mang tính kỹ thuật duy nhất khi dẫn lại các bản phiên âm trước đây là: về cơ bản, điều chỉnh việc xuống dòng của các bản phiên âm ấy theo kết cấu câu có 8 chữ với 2 vế theo như dẫn giải ở bài viết này. Các bản đó như sau.

1. **Bản phiên âm của nhóm Cung Văn Lược** năm 1994 dựa trên kết quả đọc nguyên bản tại chỗ, chưa đối chiếu với *Cao Bằng thực lục* (Cung Văn Lược-Chu Quang Trứ 1994):

“Viên Minh tự chung, minh Tán viết:
 Thiên khai Nam Việt, Địa tịch Cao Bằng.
 Trung cư bản Phủ, Để khổng Đế thành.
 Thạch Châu lạc [?], Đà Quận địa linh.
 Thanh Sơn Thủy tú, Mãng Thủy nhiều oanh.
 Tổ danh thắng tích, Tự hiệu Viên Minh.
 Cao đồng chú thạch, Nhật dương tương hành.
 Thượng huyền lâu các, Thạch trí vu đình.
 Phong lịch ngôi ngôi, Kim ngọc khanh hạnh.
 Bỏ sao nguyệt động, Khí động phong thanh.
 Thần từ đối diện, Cung điện tranh vang.
 Thời canh trú dạ. Tịch chung minh.
 Thế tình biến hoá, Nhân vật hoành sinh.
 Nhân do [?] [?], Trí lực kinh dinh.
 Tá Mạc thánh chúa, Phù Tộ hiền khanh.
 Kim đồng bị thạch, Phật tự mô hoành.
 Tư công tạo tác, Lưu đại Phan Hình.
 Y thời cần tốt, Hội chủ cáo thành.
 Hoàn viên như nguyện, Viễn cận tri danh.
 Âm công ký hiển, Dương báo tất vinh!”.

2. **Bản phiên âm của Hoàng Triều Ân** năm 2010 (Hoàng Triều Ân 2010), về cơ bản là dựa theo bản của nhóm Cung Văn Lược nhưng có sửa chữa ở một vài chỗ (hiện chưa rõ căn cứ để sửa chữa).

“Minh tán viết
 Thiên khai Nam Việt / Địa tịch Cao Bằng /
 Trung cư Bản Phủ / Để khổng đế thành /
 Thạch châu lạc lạc / Đà Quận địa linh /
 Thanh sơn thủy tú / Mãng thủy nhiều oanh /
 Cổ danh thắng tích / Tự hiệu Viên Minh /
 Tạo đồng chú thạch / Nhật dương tương hành /
 Thượng huyền lâu các / Thạch trí vu đình /
 Phong lịch nguy nguy / Kim ngọc kiên khanh /
 Bỏ sao nguyệt động / Khí động phong thanh /
 Thần từ đối diện / Cung điện tranh vang /
 Thời canh trú dạ / Tịch tịch chung minh /
 Thế tình biến hoá / Nhân vật hoạch sinh /
 Nhân do / Chí lực kinh dinh /
 Tá Mạc thánh chúa / Phù tộ hiền khanh /
 Kim đồng bị thạch / Phật tự mô hoành (hoảng)/

Cưu công tạo tác / Lưu đại Phạn hình /
 Y thời cần tốt / Hội chủ các thành /
 Hoàn viên như nguyện / Viễn cận tri danh /
 Âm công ký hiển / Dương báo tất vinh /
 Càn Thống thập cửu niên, tân hội chú.”

3. **Bản phiên âm của Đinh Khắc Thuân** năm 2011 (Đinh Khắc Thuân 2011), vừa dựa vào bản phiên âm của nhóm Cung Văn Lược năm 1994 vừa dựa vào bản chép của Nguyễn Hựu Cung trong *Cao Bằng thực lục*.

“Thiên khai Nam Việt, Địa tịch Cao Bằng
 Trung cư vương phủ, Bắc khổng đế thành
 Thạch Lâm thế tráng, Đà Quận địa linh
 Thanh sơn củng bảo, Bích Thủy nhiễu oanh
 Cổ danh lam tích, Tự hiệu Viên Minh
 Tạo đồng dung chú, Nhật dương tướng hành
 Thượng huyền vu các, Hữu trí vu sanh
 Phong loan tuất luật, Kim ngọc khanh oanh
 Bồ lao nguyệt hưởng, Kinh động phong thanh
 Thần từ đối trí, Phật điện tranh vành
 Thời canh đỉnh phát, Ân tịch chung minh
 Thế tình vong cảm, Tư dục hoành sinh
 Nhân do khuyết phế, Tu đãi kinh doanh
 Tá Mạc thánh chúa, Phù Lê hiền khanh
 Kim đồng thí phát, Công đức thuận hoàng
 Cưu công tô tượng, Bồ phạm minh hình
 Y tượng mưu thủy, Bất nhật cáo thành
 Hoàn viên như cưu, Viên cận như danh
 Âm công ký hiển, Dương báo tất vinh”

- (3) Câu này cũng có thể dịch là: “Chuông ngân rung cả vàng trắng, hoa kinh (quai chuông hình hoa kinh) quấy động trong gió”.
- (4) Có 3 bản dịch nghĩa tương ứng với 3 bản phiên âm (như đã ghi trong chú thích 2).

1. Bản dịch của nhóm Cung Văn Lược

“Văn khắc chuông chùa Viên Minh.

Lời tán rằng:

Trời mở Nam Việt, Đất lập Cao Bằng.

Ở giữa bản Phủ, Vững đất thành Vua.

Thạch Châu kiên [cố?], Đà Quận đất thiêng.

Non xanh nước biếc, Sông Mãng uốn quanh.

Cổ danh thắng tích, Chùa gọi Viên Minh.

Chế đồng đúc đá.

Sống cùng trời trắng, Chuông treo lầu gác.

Chuông đặt trong sảnh.

Gió thổi vang vang, Tiếng ngọc rung rinh, Chuông động vàng nguyệt, Mổ động gió âm.

Đền Thần đối diện, Cung điện chênh vênh, Giờ giấc sớm tối, Tiếng chuông u huyền.

Thế tình biến đổi, Người vật nảy sinh. Nhân do [?] [?], Ra sức sửa trị.

Giúp thánh chúa Mạc, Tôi hiền phù vận.
 Chuông đồng bia đá, Chùa Phật lớn lao.
 Đón thợ dựng xây, Giữ mãi hình Phật.
 Đúng hạn hoàn thành, Hội chủ báo công.
 Lòng thành trọn vẹn. Gần xa biết tiếng.
 Âm công rạng tỏ, Dương báo về vang!"

2. Bản dịch của Hoàng Triều Ân

"Trời mở Nam Việt / Đất lập Cao Bằng /
 Ở giữa Bản Phủ / Vững đất thành vua /
 Châu Thạch kiên cố / Đà Quận đất thiêng /
 Non xanh nước biếc / Sông Mãng uốn quanh /
 Cổ danh thắng tích / Chùa gọi Viên Minh /
 Chế đồng đúc đá/ Sừng cùng trời trắng /
 Chuông treo lầu gác / Bia đặt sảnh trong /
 Vang vang gió thổi / Tiếng ngọc rung rinh /
 Chuông động vàng nguyệt / Mỏ động gió âm /
 Đèn thần đối diện / Cung điện chênh vênh /
 Giờ giấc sớm tối / Tiếng chuông u huyền /
 Thế tình biến đổi / Người vật nảy sinh /
 Nhân do / Ra sức sửa lại /
 Giúp thánh chúa Mạc / Tôi hiền phù vận /
 Chuông đồng bia đá/ Chùa Phật lớn lao /
 Đón thợ dựng xây / Giữ mãi hình Phật /
 Đúng hạn hoàn thành / Hội chủ báo công /
 Lòng thành trọn vẹn / Gần xa biết tiếng /
 Âm công rạng tỏ / Dương báo về vang /
 Người hưng công... vợ là Phạm thị Ngọc Yến. Càn Thống năm thứ mười chín, Tân Hợi. (Tức là năm 1611. Triều Ân chú giải)."

3. Bản dịch của Đinh Khắc Thuân

"Trời mở Nam Việt, Đất lập Cao Bằng.
 Ở giữa vương phủ, Bắc ngưỡn thành Vua.
 Thạch Lâm kiên cố, Đà Quận đất thiêng.
 Non xanh ôm bọc, Dòng biếc uốn quanh.
 Cổ danh thắng tích, Chùa gọi Viên Minh.
 Nấu đồng tạo đúc, Khí tượng dương hành.
 Treo trên lầu gác, Đặt trong sảnh đường.
 Vang vọng cùng gió, Tiếng ngọc vang xa.
 Cù lao vàng nguyệt, Kinh động âm thanh.
 Đèn Thần đối diện, Phật điện chênh vênh.
 Giờ giấc sớm tối, Tiếng chuông u huyền.
 Thế tình biến đổi, Người vật hoàn sinh.
 Người có hưng phế, Cần nhờ dựng gậy.
 Giúp thánh chúa Mạc, Phù Lê tôi hiền.
 Chuông đồng chú tạo, Công đức lớn lao.

Đón thợ dựng xây, Tô vẽ tượng Phật.
Lạ thay, khởi xướng, Một ngày đã thành.
Lộng lẫy như cũ, Hiên danh xa gần.
Âm công rạng tỏ, Dương báo về vang !”

- (5) Nguyên văn: *Tích, Thạch Lâm châu Xuân Lĩnh xã Đà Quận thôn hữu Quan Triều Hồng Liên công chúa từ, trử đối Viên Minh tự (Mạc thời sáng kiến)* 昔、石林州春嶺社沱郡村、有官朝紅蓮公主祠、峙對圓明寺 (莫時創建).
- (6) Nguyên văn (phiên âm): *Viên Minh tự. Kỳ tự tại Xuân Lĩnh xã chi địa, tiền đối Quan Triều Hồng Liên công chúa từ. Tự Mạc Càn Thống Tân Hợi niên gian. Mạc binh bại chi hậu, tự giai hoang phế. Đãi Lê triều binh phục Cao Bằng, sùng tu kỳ tự. Ư Cảnh Hưng Giáp Tý niên gian, tặc đồ phong khởi, nhân dân tị ư phong cao, tự vũ hoang liệt, tường ngổa giai bang.*
Đối với đoạn nguyên văn này trong *Cao Bằng thực lục*, Đình Khắc Thuần có cách chấm câu khác một chút, và cũng bởi thế có lời dịch khác một chút. Lời dịch đó như sau: “Chùa Viên Minh ở đất xã Xuân Lĩnh, phía trước đối diện với đền Quan Triều Hồng Liên công chúa. Từ năm Tân Hợi niên hiệu Càn Thống nhà Mạc, sau khi quân Mạc bại binh, chùa bỏ hoang phế. Đến khi quân nhà Lê lấy lại Cao Bằng, chùa được sùng tu. Khoảng năm Giáp Tý niên hiệu Cảnh Hưng, giặc giã nổi lên như ong, nhân dân trốn tránh tên đạn, chùa bỏ hoang phế, tường mái đều sập” (Đình Khắc Thuần 2011: 309). Sở dĩ chúng tôi chấm câu và hiểu nghĩa khác với Đình Khắc Thuần là bởi đối chiếu với những chỗ ghi chép khác trong *Cao Bằng thực lục*, chẳng hạn đoạn về chùa Đồng Lân (xem chú thích 7).
- (7) Nguyên văn (phiên âm): *Đồng Lân tự. Kỳ tự chỉ tại Mạnh Tuyền xã chi địa. Tự Mạc Càn Thống thập cửu niên, tuế thứ Tân Hợi, Mạc hậu kiến tự vũ.* Đoạn này, được Đình Khắc Thuần dịch như sau: “Chùa Đồng Lân. Nền chùa này ở đất xã Mạnh Tuyền. Năm Tân Hợi niên hiệu Càn Thống 19 nhà Mạc, Hoàng hậu nhà Mạc cho xây chùa” (Đình Khắc Thuần 2011: 313).
- (8) Theo kết quả điều tra điền dã của chúng tôi trong các đợt làm việc tại khu vực chùa Đồng Lân (mà gần đây nhất là tháng 11 năm 2012 và tháng 3 năm 2014).
- (9) Nguyên văn (phiên âm): *Đồng Lân tự. Tại Thạch Lâm huyện Mạnh Tuyền xã. Tương truyền thứ tự dữ Minh Viên tự Mạc thị kiến* (Quốc Sử Quán triều Nguyễn 1967, phần nguyên văn chữ Hán). Bản thân *Đại Nam nhất thống chí* viết nhầm từ “Viên Minh tự” thành “Minh Viên tự”. Tất cả các ghi chép liên quan đến “Viên Minh tự” trong đó đều thành “Minh Viên tự”.
- (10) Thông tin này chúng tôi theo nguyên văn của *Bảng công nhận di tích Lịch sử - Văn hóa* đang treo bên trong chùa Sùng Phúc. Theo đó, bằng này được Bộ trưởng Bộ Văn hóa Thông tin Trần Hoàn ký ngày 06 tháng 01 năm 1994 theo Quyết định ngày 29 tháng 01 năm 1993. Đối tượng nhận bằng công nhận là “Bia chùa Sùng Phúc xã Thanh Nhật huyện Hạ Lang tỉnh Cao Bằng”.
- (11) Nguyên văn (phiên âm): *Xuân Lĩnh tự. Tự danh Viên Minh. Tương truyền cổ hữu thư hùng chung nhị quả. Ngụy Mạc chiếm cứ thời, kỳ chung thường dạ xuất Mãng giang đàm dữ thủy thần đấu. Nhật dạ văn giang đàm xứ chung thanh dữ thủy thanh giao khiêu thậm chấn. Triều thị chi, tắc hùng chung thất liễu, bất tri sở khứ. Kỳ đàm nhân danh Chung đàm. Hậu tam niên hữu Thanh khách vân, Thái Bình giang bạn đắc cự chung nhất quả, vô xi đầu, thân khắc Viên Minh tự chung tứ tự. Vấn trấn quan kinh tự tăng vắng xứ thám quả. Kim kỳ tự thư chung thượng tồn yên. Đệ niên xuân chính nguyệt sơ thập nhật cổ tục hữu thắng hội. Tự kinh binh hỏa chi hậu, đa bất như tiền* (Ngô Đức Thọ-Nguyễn Văn Nguyên-Philippe Papin 2003a: 690).
- (12) Bản dịch của nhóm Ngô Đức Thọ có nhầm ở một chỗ (ghi nhầm “Quảng Giáo” thành “Quảng Hiếu” trong sự kiện nhà vua mở hội khánh thành chùa vào năm Thiên Phù Duệ Vũ thứ 4, tức năm 1123. Chữ *giáo* và chữ *hiếu* gần nhau về mặt tự dạng, dễ gây nhầm lẫn).

TÀI LIỆU THAM KHẢO VÀ TRÍCH DẪN

1. Alexandre De Rhodes, 1651a, *Dictionarium annamiticum seu tunquinense lusitanum et latinum*, Romae: Typ. & sumptibus Soc. Congr. de Prop. Fide 1651, bản chụp kỹ thuật số trên mạng <http://purl.pt/961>.
2. Alexandre De Rhodes, 1651b, *Histoire du royaume de Tunquin*, J.-B. Devenet (Lyon), bản chụp kỹ thuật số của Thư viện Quốc gia Cộng hòa Pháp.
3. Alexandre De Rhodes, 1653, *Divers voyages et missions*, Paris: S. Cramoisy.
4. Alexandre De Rhodes (Hồng Nhuệ dịch), 1994a (1651), *Lịch sử vương quốc Đàng Ngoài* (Histoire du royaume de Tunquin), TP Hồ Chí Minh: Ủy ban Đoàn kết Công giáo TP Hồ Chí Minh.
5. Alexandre De Rhodes (Hồng Nhuệ dịch), 1994b (1653), *Hành trình và truyền giáo* (Divers voyages et missions), TP Hồ Chí Minh: Ủy ban Đoàn kết Công giáo TP Hồ Chí Minh.
6. Ban Liên lạc họ Mạc Cao Bằng (Nguyễn Xuân Toàn chủ biên), *Vương triều Mạc ở Cao Bằng một thời hưng thịnh*, Nxb Dân trí, Hà Nội, 2012.
7. Cao Xuân Dục (Nguyễn Văn Nguyên dịch chú), (1900), *Viêm Giao trung cổ ký*, Nxb Thời đại - Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội, 2010.
8. Chu Xuân Giao, 2010a, *Thăng Long thế kỷ 17 đến thế kỷ 19 qua tư liệu người nước ngoài*, Nxb Quân đội Nhân dân, Hà Nội.
9. Chu Xuân Giao, 2010b, “Đền Cờn và nữ thần Cửa Chúa (Nghệ An) ở thế kỷ XVII trong ghi chép thực địa của giáo sĩ Đắc Lộ”, trong *Thông báo Văn hóa 2009*, Viện Nghiên cứu Văn hóa, Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội, 2010, tr. 258-293.
10. Chu Xuân Giao, “Toán tính và số phận của các vị vua sau năm 1677: Mấy ghi chú bước đầu về niên đại và về thời điểm kết thúc của triều Mạc ở Cao Bằng, qua tham khảo kết quả nghiên cứu của các nhà sử học Trung Quốc”, trong Kỷ yếu Hội thảo khoa học *Vương triều Mạc trong lịch sử Việt Nam*, Trung tâm Bảo tồn Khu di tích Cổ Loa - Thành cổ Hà Nội, Văn phòng Ban chỉ đạo Quốc gia 1.000 năm Thăng Long, Hội Sử học Hà Nội, Hà Nội, 2010, tr. 107-124.
11. Chu Xuân Giao, 2013a, “Ba vua Mạc cuối cùng qua sử liệu Trung Quốc (1638-1683)”, trong *Nhà Mạc và hậu duệ trên đất Vĩnh Phúc*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Vĩnh Phúc xuất bản, tr. 235-395.
12. Chu Xuân Giao, 2013b, “Dấu tích và hậu duệ nhà Mạc ở Vĩnh Phúc qua khảo sát điền dã (trọng tâm là hai thôn Chùa và Diệm Xuân)”, trong *Nhà Mạc và hậu duệ trên đất Vĩnh Phúc*, sđd, tr. 398-496.
13. Chu Xuân Giao, 2013c, “Đi tìm dấu ấn cha con Mạc Kính Diệu ở Quảng Châu: Phần I - Trước khi trực tiếp tới chùa Đại Phật”, trong *Nhà Mạc và hậu duệ trên đất Vĩnh Phúc*, sđd, tr. 167-212.
14. Chu Xuân Giao, 2013d, “Đi tìm dấu ấn cha con Mạc Kính Diệu ở Quảng Châu: Phần II - Kết quả khảo sát nhanh tại chùa Đại Phật”, trong *Nhà Mạc và hậu duệ trên đất Vĩnh Phúc*, sđd, tr. 213-234.
15. Chu Xuân Giao, 2015a, “Toán tính và số phận của các vị vua sau năm 1677: Mấy ghi chú bước đầu về niên đại và về thời điểm kết thúc của triều Mạc ở Cao Bằng, qua tham khảo kết quả nghiên cứu của các nhà sử học Trung Quốc”, trong *Vương triều Mạc với sự nghiệp canh tân đất nước*, Ban Tuyên giáo Thành ủy Hà Nội, Hội Sử học Hà Nội, Trung tâm Bảo tồn Di sản Thăng Long-Hà Nội, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2015, tr. 193-215.
16. Chu Xuân Giao, 2015b, “Về niên hiệu Càn Thống của vua Mạc hiện còn trên chuông chùa Viên Minh ở Cao Bằng”, tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển*, Sở Khoa học và Công nghệ Thừa Thiên Huế, số 5 (122). 2015, tr. 17-33.
17. Cung Văn Lược-Chu Quang Trứ, “Văn chuông chùa Đà Quận - Viên Minh tự - một tư liệu quý về thời Mạc ở Cao Bằng”, tạp chí *Hán Nôm* số 1 năm 1994.

18. Đặng Hồng Sơn-Phạm Văn Chiến-Nguyễn Xuân Toàn, “Di sản văn hóa nhà Mạc thời kỳ Cao Bằng qua các đình, chùa, miếu”, trong Kỷ yếu Hội thảo khoa học *Nhà Mạc trong thời kỳ Cao Bằng*, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Cao Bằng, 2011, tr. 155-169.
19. Đinh Khắc Thuân, *Lịch sử triều Mạc qua thư tịch và văn bản*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2011.
20. Đinh Khắc Thuân (Sưu tầm, khảo cứu, dịch chú), *Văn bia thời Mạc*, Nxb Hải Phòng, Hải Phòng, 2010.
21. Đinh Khắc Thuân, 2011, “Dấu tích văn hóa thời Mạc qua tài liệu *Cao Bằng thực lục*”, trong *Nhà Mạc trong thời kỳ Cao Bằng*, sđd, tr. 306-317.
22. Đỗ Quang Chính, (1972), *Lịch sử chữ Quốc ngữ 1620-1659*, Nxb Tôn giáo (bản in lại nguyên văn ấn bản năm 1972 của Tủ sách Ra khơi, có sửa chữa của tác giả), Hà Nội, 2008.
23. Hoàng Triều Ân, “Cao Bằng qua văn thơ xưa” (20/4/2010), website *Cổng thông tin điện tử tỉnh Cao Bằng* (www.caobang.gov.vn).
24. Hoàng Triều Ân, 2015, “Chuyện về hai danh tướng cuối thế kỷ XVII trên đất Cao Bằng”, (22/2/2015), website *Báo Cao Bằng* (www.baocaobang.vn).
25. Lê Mạnh Thát, *Lịch sử Phật giáo Việt Nam*, Tập III (Từ Lý Thánh Tông đến Trần Thánh Tông), Nxb TP Hồ Chí Minh, TP Hồ Chí Minh, 2005.
26. Lê Quý Đôn (Ngô Thế Long dịch), 2012a (1749), *Đại Việt thông sử*, Quyển 1, Nxb Trẻ - Nxb Hồng Bàng, TP Hồ Chí Minh.
27. Lê Quý Đôn (Ngô Thế Long dịch), 2012b (1749), *Đại Việt thông sử*, sđd, Quyển 2.
28. Ngô Đức Thọ-Nguyễn Văn Nguyên-Philippe Papin, 2003a, *Đồng Khánh địa dư chí*, tập 1, Nxb Thế giới, Hà Nội.
29. Ngô Đức Thọ-Nguyễn Văn Nguyên-Philippe Papin, 2003b, *Đồng Khánh địa dư chí*, sđd, tập 3.
30. Nguyễn Cảnh thị (Nguyễn Thị Thảo dịch, Trần Nghĩa khảo đính và giới thiệu), *Thiên Nam liệt truyện Hoan Châu ký*, Nxb Thế giới, 2011.
31. Nguyễn Hữu Cung 阮祐恭 (Bé Hữu Cung 閉祐恭), 1810, *Cao Bằng thực lục* 高平實錄, bản chép tay hiện lưu tại Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm, ký hiệu A.1129 (bản chụp phục vụ bạn đọc với ký hiệu VHC.1438).
32. Nguyễn Phúc Giác Hải, 1996, “Nguyễn Bình Khiêm và những tấm bia thời Mạc với hai chữ Việt Nam”, trong *Nhà Mạc và dòng họ Mạc trong lịch sử*, Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, Viện Sử học, Hội đồng Lịch sử thành phố Hải Phòng, Sở Văn hóa-Thông tin Hải Phòng xuất bản, tr. 384-400.
33. Peter C. Phan, 1998, *Mission and Catechesis: Alexandre de Rhodes and inculturation in seventeenth-century Vietnam*, Maryknoll, New York: Orbis Books.
34. Phạm Lê Huy-Trần Quang Đức, “Khảo cứu về *Tư Lang châu Sùng Khánh tự chung minh*”, tạp chí *Hán Nôm* số 4 (119) năm 2013, tr. 23-39.
35. Phan Đăng Nhật, *Nhà Mạc và họ Mạc - Ý chí và mục tiêu chiến lược*, Nxb Dân trí, 2011.
36. Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí, tỉnh Cao Bằng* (Văn hóa từng thư số 32 - dịch giả Đông Minh Đặng Chu Kinh), Nha văn hóa - Bộ Văn hóa Giáo dục xuất bản, Sài Gòn, 1967.
37. Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, tập 4, Viện Sử học phiên dịch và chú giải (Phạm Trọng Diễm dịch, Đào Duy Anh hiệu đính). Tái bản lần thứ hai, Nxb Thuận Hóa, Huế, 2006.
38. Sở Khoa học và Công nghệ Cao Bằng, 2011, Kỷ yếu Hội thảo khoa học *Nhà Mạc trong thời kỳ Cao Bằng* (Chủ nhiệm đề tài Nguyễn Minh Đức), tập bản thảo chế bản trên giấy hai mặt khổ B5 gồm 427 trang (bìa màu xanh có in chìm hình trống đồng Đông Sơn).
39. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Vĩnh Phúc - Trung tâm Bảo trợ Văn hóa và Kỹ thuật Truyền thống - Ủy ban Nhân dân huyện Vĩnh Tường, Kỷ yếu Hội thảo khoa học *Nhà Mạc và hậu duệ trên đất Vĩnh Phúc*, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Vĩnh Phúc xuất bản, 2013.

40. Trung tâm Bảo tồn Khu di tích Cổ Loa - Thành cổ Hà Nội, Văn phòng Ban Chỉ đạo Quốc gia 1.000 năm Thăng Long, Hội Sử học Hà Nội, 2010, Kỷ yếu Hội thảo khoa học *Vương triều Mạc trong lịch sử Việt Nam*, tập bản thảo gồm 434 trang khổ A4.
41. Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, 2009a, *Đại Việt sử ký toàn thư* (Bản in Nội Các quan bản), Tập 1, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
42. Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, 2009b, *Đại Việt sử ký toàn thư* (Bản in Nội Các quan bản), Tập 2, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
43. Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, 2009c, *Đại Việt sử ký toàn thư* (Bản in Nội Các quan bản), Tập 3, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
44. Viện Nghiên cứu Hán Nôm, *Các thể văn chữ Hán Việt Nam* (Trần Thị Kim Anh và Hoàng Hồng Cẩm biên soạn), Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2010.
45. Viện Nghiên cứu Hán Nôm - Viện Viễn Đông Bác cổ - Viện Cao học thực hành, *Tổng tập thác bản văn khắc Hán Nôm*, Tập 11, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2008.

TÓM TẮT

Bài minh khắc trên quả chuông lớn hiện còn tại chùa Viên Minh (tỉnh Cao Bằng) là một tư liệu quý giá để tìm hiểu về thời kỳ nhà Mạc tại Cao Bằng (1592-1677). Đáng tiếc là bài minh ấy đã bị mờ mòn, mất chữ nhiều chỗ nên không thể đọc được đầy đủ, dẫn đến tình trạng sao chép, diễn dịch khác nhau giữa các nhà nghiên cứu từ xưa đến nay.

Bằng kết quả khảo chứng văn bản học, và vận dụng các nguồn tư liệu liên quan để đối chiếu, trong bài viết này, tác giả đã cung cấp một cách hiểu mới về nội dung bài minh chuông chùa Viên Minh. Qua đó, đã đưa ra các căn cứ gốc gác cho việc mừng tượng về kinh đô và vương quốc của nhà Mạc trong thời kỳ đầu ở Cao Bằng. Lần đầu tiên, tác giả đưa ra cách hiểu về “Vương quốc Nam Việt”, “Vương quốc Cao Bằng”, và “Kinh đô Cao Bình” một cách lớp lang theo tiến trình lịch sử. Đó có thể là hướng nghiên cứu đúng đắn, góp phần làm sáng tỏ nhiều vấn đề văn hóa-lịch sử của nhà Mạc vào giai đoạn mạt kỳ. Bài viết gồm các nội dung chính: 1) Hình thức và nguyên trạng của bài minh qua đối chiếu tư liệu; 2) Nội dung bài minh qua tổng hợp tư liệu; 3) Ngôi cổ tự Viên Minh; 4) Vương quốc Nam Việt trong ý chí, vương quốc Cao Bằng trong hiện thực; 5) Thánh chúa Mạc và hiền khanh họ Lê.

ABSTRACT

RE-READING THE WRITING IN THE 19TH YEAR OF CÀN THỐNG REIGN (1611) ON THE EXISTING BELL OF VIÊN MINH PAGODA IN CAO BẰNG PROVINCE

The writing engraved on the big bell in Viên Minh Pagoda (Cao Bằng Province) is a valuable material to learn about the era of the Mạc Dynasty in Cao Bằng (1592-1677). Unfortunately, it is blurred and eroded, which makes it hard to read, leading to the dissimilarity in reproduction and interpretation among researchers.

From results of textual evidence, and taking advantage of relevant sources for comparison, the author provides a new understanding of the content of the writing on Viên Minh Pagoda's bell whereby grounds for visualizing capital and the kingdom of the Mạc Dynasty on the early days in Cao Bằng are formed. This is the first time the author offers a way of understanding “Nam Việt Kingdom”, “Cao Bằng Kingdom” and “Cao Bình Capital” in order according to historical process. It can be the right research method to contribute to clarify cultural and historical issues about the Mạc Dynasty in its final stages. The article consists of following contents: 1) The form and the status quo of the writing comparing with documentation; 2) The content of the writing based on documents collected; 3) Ancient Viên Minh Pagoda; 4) Nam Việt Kingdom at will, the Cao Bằng kingdom in reality; 5) Prominent King of the Mạc Dynasty and the Talented Official bearing the family name Lê.